

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2021/DS-ST

Ngày: 16-6-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán điện

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang
2. Bà Nguyễn Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2021 tại Phòng xử án Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 538/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán điện” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Tổng Công ty Đ; Trụ sở: Số 35 đường T, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 62 đường H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 1349/UQ-PCTT ngày 20/10/2020); (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 96/10/8 đường C, Tổ H, Khu phố A, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/4/2008, Tổng Công ty Đ do chi nhánh là Công ty T đại diện ký hợp đồng số 08-001197 mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt với ông Lê Văn T. Thực hiện hợp đồng, ông Lê Văn T thanh toán đầy đủ và đúng hạn tiền điện sử dụng hàng tháng, nhưng kể từ tháng 06/2019, ông T không thanh toán đúng hạn tiền điện đã sử dụng từ ngày 24/05/2019 đến ngày 23/06/2019 với số tiền 812.856 (Tám trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi sáu) đồng, theo hóa đơn số 423084099 và tiền điện đã sử dụng từ ngày 24/6/2019 đến 27/6/2019 với số tiền 66.231 (Sáu mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi một) đồng, theo hóa đơn số 425847986. Tổng Công ty Đ nhiều lần gửi thông báo thanh toán tiền điện nhưng ông T vẫn không thanh toán và đã thông báo ngừng cấp điện kể từ ngày 15/02/2020 cho ông Lê Văn T tại địa chỉ số 96/10/8 đường C, Tổ H, Khu phố A, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do vậy, Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Văn T phải thanh toán đầy đủ số tiền điện còn nợ là 879.087 (Tám trăm bảy mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy) đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Lê Văn T trả số tiền điện còn nợ là 879.087 (Tám trăm bảy mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy) đồng một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 08-001197, mã khách hàng PE05000113310 ngày 03/4/2017 giữa Tổng Công ty Đ

do chi nhánh là Công ty T ký với ông Lê Văn T, ông T có địa chỉ cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, nên xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp “Hợp đồng mua bán điện” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 538/2020/QĐ-CCTLCC ngày 24/12/2020 và Phiếu yêu cầu xác minh số 104/2021/TAQ7 ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân Quận 7, thì bị đơn ông Lê Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Số 96/10/8 đường C, Tổ H, Khu phố A, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng thực tế không cư trú tại địa chỉ trên, ngoài địa chỉ cư trú này không có cơ sở để xác định bị đơn hiện đang cư trú tại địa chỉ nào khác. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ trên, bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 08-001197, mã khách hàng PE05000113310 ngày 03/4/2017; các hóa đơn số 423084099, số 425847986; có cơ sở xác định ông Lê Văn T còn nợ tiền điện đã sử dụng: Kỳ 7 từ ngày 24/05/2019 đến ngày 23/06/2019, số tiền 812.856 (Tám trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi sáu) đồng và Kỳ 8 từ ngày 24/6/2019 đến 27/6/2019, số tiền 66.231 (Sáu mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi một) đồng, tổng cộng 879.087 (Tám trăm bảy mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy) đồng.

[5] Nguyên đơn đã tiến hành các thủ tục thông báo về thời hạn thanh toán tiền điện, thông báo thời điểm ngừng cung cấp điện do quá hạn thanh toán và ngừng cung cấp điện tại địa chỉ sử dụng điện. Nhưng bị đơn ông Lê Văn T không thanh toán tiền điện cho Tổng Công ty Đ là vi phạm Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 08-001197, mã khách hàng PE05000113310 ngày 03/4/2017. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Tổng Công ty Đ về việc buộc ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho Tổng Công ty Đ số tiền 879.087 (Tám trăm bảy mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228 và Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 438, 518, 520, 523, 524, 525 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 23, điểm a Khoản 2 Điều 46 Luật Điện lực năm 2004;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tổng Công ty Đ.

Buộc ông Lê Văn T phải thanh toán cho Tổng Công ty Đ số tiền điện 879.087 (Tám trăm bảy mươi chín nghìn không trăm tám mươi bảy) đồng, phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt số 08-001197, mã khách hàng PE05000113310 ngày 03/4/2017; của hóa đơn giá trị gia tăng số 423084099, số tiền 812.856 (Tám trăm mười hai ngàn tám trăm năm mươi sáu) đồng và hóa đơn giá trị gia tăng số 425847986, số tiền 66.231 (Sáu mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi một) đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Tổng Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí số

AA/2019/0042037, ngày 21/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND TP.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THA Dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (Tk.Duyên)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phơ